

Số: 23/2019/QĐST- DSTC

Hà Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành được lập ngày 23 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2014/TLST- DSTC ngày 21 tháng 3 năm 2014.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H; địa chỉ: SN 319, đường T, tổ 05 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang

- Các bị đơn: Ông Trần Xuân T (đã chết); bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: SN 69, tổ 06, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Quý tín dụng B; địa chỉ: Tổ 07, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đại diện theo pháp luật: ông Ninh Quốc C, chức vụ: Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Quý tín dụng B: ông Phạm Quốc A, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cụ Trần Văn Đ, cụ Vũ Thị N; địa chỉ: Xóm B, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Chị Trần Thị H, Trần Thúy V; địa chỉ: SN 69, tổ 06, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang (chị T, chị V ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị D thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Bà Nguyễn Thị D nhất trí trả cho ông Nguyễn Đức H 01 một mảnh đất phía Đông giáp đường L rộng 3,6m; phía Tây giáp đất ông T rộng 3,53m; phía Bắc giáp đất nhà K dài 15,1m; phía Nam giáp đất nhà Kh dài 15,1m. Tổng diện tích đất là 53,9m², tờ bản đồ 07, số thửa 76, loại đất ODT, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 339005 ngày 06/11/2006 mang tên ông Trần Xuân T, bà Nguyễn Thị D đã đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên ông Nguyễn Đức H ngày 07/6/2013; trên đất có 01 nhà xây 3 tầng, tổng diện tích xây dựng 161,7m²; địa chỉ nhà và đất tại: Số nhà 69, tổ 06, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Thời hạn giao nhà và đất là ngày 23/11/2019 (Có sơ đồ nhà đất kèm theo).

+ Ông Nguyễn Đức H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 850.000.000đ (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*). Thời hạn trả tiền là ngày 23/11/2019.

- Ông Ninh Quốc C và bà Nguyễn Thị D cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho Quỹ Tín dụng B số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*). Thời hạn trả tiền cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 23/11/2019 trả số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*);

+ Lần 2: Ngày 30/12/2019 trả số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày quá thời hạn thỏa thuận nêu trên mà bên phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Bà Nguyễn Thị D rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu tuyên bố hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 264/HĐCQSDĐ ngày 12/7/2012 đã ký kết giữ ông H với ông T, bà D.

- Ông Ninh Quốc C rút yêu cầu độc lập về việc yêu cầu tuyên bố hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 264/HĐCQSDĐ ngày 12/7/2012 đã ký kết giữ ông H với ông T, bà D.

- Ông Nguyễn Đức H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ 600.000đ (*đã thi hành xong*).

- Án phí:

+ Ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 850.000.000đ $(800.000.000=36.000.000)+(50.000.000 \times 3\%= 1.500.000) = 36.000.000 + 1.500.000đ = 37.500.000đ : 2 = 18.750.000đ$ (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đ đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự TP H BL số 00268 ngày 21/3/2014. Ông H còn phải nộp số tiền án phí là 18.550.000đ (*Mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 1.000.000.000đ (800.000.000=36.000.000)+(200.000.000 x3%= 6.000.000) = 36.000.000 + 6.000.000đ = 42.000.000đ : 2 = 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng).

- Trả lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí 200.000đ đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự TP H BL số 00347 ngày 05/6/2014 do rút yêu cầu phản tố.

- Trả lại cho ông Ninh Quốc C số tiền tạm ứng án phí 55.935.000 (Năm mươi lăm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố H theo BL số 00560 ngày 01/4/2015 (Người nộp tiền Nguyễn Thị M).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình